

TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN LANG
ĐƠN VỊ: KHOA TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG

ĐỀ THI VÀ ĐÁP ÁN, LẦN 2
THI KẾT THÚC HỌC PHẦN
Học kỳ 2, năm học 2023-2024

I. Thông tin chung

Tên học phần:	TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP		
Mã học phần:	71FINN40013	Số tín chỉ:	3
Mã nhóm lớp học phần:	232_71FINN40013_01,02,03,04		
Hình thức thi: Trắc nghiệm kết hợp Tự luận	Thời gian làm bài:	75	phút
<i>Thí sinh được tham khảo tài liệu:</i>	<input checked="" type="checkbox"/> Có	<input type="checkbox"/> Không	

1. Format đề thi

- Font: Times New Roman
- Size: 13
- Tên các phương án lựa chọn: **in hoa, in đậm**
- Không sử dụng nhảy chữ/số tự động (numbering)
- Mặc định phương án đúng luôn luôn là Phương án A ghi ANSWER: A
- Tổng số câu hỏi thi:
- Quy ước đặt tên file đề thi:
 - + **Mã học phần**_Tên học phần_Mã nhóm học phần_TNTL_De 1
 - + **Mã học phần**_Tên học phần_Mã nhóm học phần_TNTL_De 1_Mã đề (*Nếu sử dụng nhiều mã đề cho 1 lần thi*).

2. Giao nhận đề thi

Sau khi kiểm duyệt đề thi, đáp án/rubric. **Trưởng Khoa/Bộ môn** gửi đề thi, đáp án/rubric về Trung tâm Khảo thí qua email: khaothivanlang@gmail.com bao gồm file word và file pdf (*nén lại và đặt mật khẩu file nén*) và nhắn tin + họ tên người gửi qua số điện thoại **0918.01.03.09** (Phan Nhất Linh).

- Khuyến khích Giảng viên biên soạn và nộp đề thi, đáp án bằng **File Hot Potatoes**. Trung tâm Khảo thí gửi kèm File cài đặt và File hướng dẫn sử dụng để hỗ trợ Quý Thầy Cô.

II. Các yêu cầu của đề thi nhằm đáp ứng CLO

(Phần này phải phối hợp với thông tin từ đề cương chi tiết của học phần)

Ký hiệu CLO	Nội dung CLO	Hình thức đánh giá	Trọng số CLO trong thành phần đánh giá (%)	Câu hỏi thi số	Điểm số tối đa	Lấy dữ liệu đo lường mức đạt PLO/PI
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
CLO1	Vận dụng các phương pháp trong quản lý tài chính về quá trình huy động vốn, sử dụng vốn của doanh nghiệp.	Trắc nghiệm	30	1,2,3,4 5,6	3,0	PI 2.3, A
CLO2	Quản trị các hoạt động tài chính doanh nghiệp góp phần phát triển thị trường tài chính ngân hàng ổn định và bền vững.	Trắc nghiệm	30	7,8,9,10 11,12	3,0	PI 3.3, A
CLO4	Thực hiện thành thạo nghiệp vụ tư vấn về tài chính doanh nghiệp	Trắc nghiệm	10	13,14	1,0	PI 6.2
CLO5	Thể hiện thói quen tự học tập bồi dưỡng năng lực đáp ứng sự thay đổi nghề nghiệp	Trắc nghiệm + Tự luận	30	15,16,17 18,19,20	3,0	PI 10.2, A

Chú thích các cột:

(1) Chỉ liệt kê các CLO được đánh giá bởi đề thi kết thúc học phần (tương ứng như đã mô tả trong đề cương chi tiết học phần). Lưu ý không đưa vào bảng này các CLO không dùng bài thi kết thúc học phần để đánh giá (có một số CLO được bố trí đánh giá bằng bài kiểm tra giữa kỳ, đánh giá qua dự án, đồ án trong quá trình học hay các hình thức đánh giá quá trình khác chứ không bố trí đánh giá bằng bài thi kết thúc học phần). Trường hợp một số CLO vừa được bố trí đánh giá quá trình hay giữa kỳ vừa được bố trí đánh giá kết thúc học phần thì vẫn đưa vào cột (1)

(2) Nêu nội dung của CLO tương ứng.

(3) Hình thức kiểm tra đánh giá có thể là: trắc nghiệm, tự luận, dự án, đồ án, vấn đáp, thực hành trên máy tính, thực hành phòng thí nghiệm, báo cáo, thuyết trình, ..., phù hợp với nội dung của CLO và mô tả trong đề cương chi tiết học phần.

(4) Trọng số mức độ quan trọng của từng CLO trong đề thi kết thúc học phần do giảng viên ra đề thi quy định (mang tính tương đối) trên cơ sở mức độ quan trọng của từng CLO. Đây là cơ sở để phân phối tỷ lệ % số điểm tối đa cho các câu hỏi thi dùng để đánh giá các CLO tương ứng, bảo đảm CLO quan trọng hơn thì được đánh giá với điểm số tối đa lớn hơn. Cột (4) dùng để hỗ trợ cho cột (6).

(5) Liệt kê các câu hỏi thi số (câu hỏi số ... hoặc từ câu hỏi số... đến câu hỏi số...) dùng để kiểm tra người học đạt các CLO tương ứng.

(6) Ghi điểm số tối đa cho mỗi câu hỏi hoặc phần thi.

(7) Trong trường hợp đây là học phần cốt lõi - sử dụng kết quả đánh giá CLO của hàng tương ứng trong bảng để đo lường đánh giá mức độ người học đạt được PLO/PI - cần liệt kê ký hiệu PLO/PI có liên quan vào hàng tương ứng. Trong đề cương chi tiết học phần cũng cần mô tả rõ CLO tương ứng của học phần này sẽ được sử dụng làm dữ liệu để đo lường đánh giá các PLO/PI. Trường hợp học phần không có CLO nào phục vụ việc đo lường đánh giá mức đạt PLO/PI thì để trống cột này.

III. Nội dung câu hỏi thi**PHẦN TRẮC NGHIỆM (17 câu hỏi + 0,5 điểm/câu hỏi)****Câu 1:**

Hoạt động nào sau đây là tạo lập quỹ tiền tệ của doanh nghiệp?

- A. Phát hành cổ phiếu thường mới
- B. Chi trả cổ tức bằng tiền mặt cho cổ đông thường
- C. Chi trả lãi cho các trái chủ
- D. Góp vốn đầu tư vào dự án mới

ANSWER: A

Câu 2:

Loại rủi ro nào không thể tránh được bằng cách đa dạng hóa danh mục đầu tư chứng khoán?

- A. Rủi ro hệ thống
- B. Rủi ro phi hệ thống
- C. Rủi ro kinh doanh
- D. Rủi ro đặc thù

ANSWER: A

Câu 3:

Năm nay, công ty MM huy động vốn từ phát hành 2 tỷ đồng trái phiếu. Giá bán trái phiếu 100.000 đồng, mệnh giá 100.000 đồng, lãi suất trái phiếu 9,5%/năm, trả lãi mỗi năm 1 lần, thời hạn 5 năm. Chi phí phát hành 2.000 đồng/trái phiếu. Tính chi phí sử dụng vốn vay trước thuế từ việc phát hành trái phiếu của công ty MM?

- A. 10,03%
- B. 13,45%
- C. 13,24%
- D. 12,68%

ANSWER: A

Câu 4:

Công ty BCC sử dụng vốn cho dự án đầu tư mới từ khoản lợi nhuận để lại 3 tỷ đồng của năm qua. Giá cổ phần thường hiện đang lưu hành ở mức 42.000 đồng. Cổ tức được chia năm qua là 2.500 đồng, cổ tức kỳ vọng tăng trưởng đều ở mức 15%. Vậy chi phí sử dụng vốn được huy động từ khoản lợi nhuận để lại này là bao nhiêu?

- A. 21,85%/năm
- B. 20,95%/năm
- C. 21,49%/năm
- D. 20,25%/năm

ANSWER: A

Câu 5:

Một dự án đầu tư kéo dài trong 8 năm dự kiến có các phát sinh tại thời điểm đầu tư như sau:

- Đầu tư vốn vào tài sản cố định là 1.200 triệu đồng
- Đầu tư cho tài sản ngắn hạn là 600 triệu đồng
- Các khoản nợ người bán tăng thêm: 450 triệu đồng

Hãy xác định vốn đầu tư vào dự án trong đầu năm thứ nhất khi xây dựng dòng tiền thẩm định dự án.

- A. 1.350 triệu đồng
- B. 1.500 triệu đồng
- C. 1.650 triệu đồng
- D. 1.000 triệu đồng

ANSWER: A

Câu 6:

Phát biểu nào sau đây là đúng?

- A. Khi cấu trúc vốn thay đổi, chi phí sử dụng vốn bình quân sẽ thay đổi.
- B. Việc phát hành cổ phần thường mới làm tăng giá cổ phiếu.
- C. Các dự án rủi ro thì thường có chi phí sử dụng vốn bình quân thấp.
- D. Chi phí sử dụng nợ thường cao hơn chi phí sử dụng vốn cổ phần.

ANSWER: A

Câu 7:

Năm trước công ty ABC có doanh thu là 350 tỷ đồng, tài sản cố định là 150 tỷ đồng đang được vận hành với 80% công suất. Nếu tài sản cố định hoạt động hết 100% công suất thì doanh thu của công ty đạt được là bao nhiêu?

- A. 437,5 tỷ đồng
- B. 280 tỷ đồng
- C. 450 tỷ đồng
- D. 520 tỷ đồng

ANSWER: A

Câu 8:

Hãy tính tỷ suất sinh lời nội bộ (IRR) của dự án có dữ liệu dòng tiền (đơn vị: triệu đồng) sau đây:

Năm	0	1	2	3	4	5
Dòng tiền thuần	-1.500	410	425	430	440	450

- A. 13,21%
- B. 19,43%
- C. 12,31%
- D. 18,54%

ANSWER: A

Câu 9:

Tiêu chí nào sau đây KHÔNG phản ánh rủi ro của cổ phiếu:

- A. Giá trị trung bình
- B. Hệ số beta của cổ phiếu
- C. Độ lệch chuẩn
- D. Hệ số biến thiên (CV)

ANSWER: A

Câu 10:

Thông tin về cổ phiếu thường doanh nghiệp như sau:

- Mức cổ tức được chia ở kỳ hiện tại là 2.800 đồng/CP
- Cổ tức dự kiến tăng 12%/năm trong 2 năm tiếp theo, sau đó tăng trưởng đều ở mức 6%/năm
- Nhà đầu tư đòi hỏi mức sinh lời 14%/năm

Nhà đầu tư có thể chấp nhận mua lại cổ phiếu này trên thị trường với giá tối đa là bao nhiêu?

- A. 41.263,16 đồng
- B. 36.238,84 đồng
- C. 38.651,89 đồng
- D. 38.560,55 đồng

ANSWER: A

Câu 11:

Công ty Lê Minh có cấu trúc vốn mục tiêu bao gồm 45% nợ và 55% cổ phần thường, không có cổ phiếu ưu đãi. Chi phí nợ trước thuế 15%, thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp 20%. Giá hiện tại của cổ phiếu là 30.000 đồng. Cổ tức năm qua là 3.000 đồng, dự kiến tăng trưởng không đổi qua các năm là 8%/năm. Chi phí sử dụng vốn bình quân (WACC) của công ty Lê Minh là bao nhiêu?

- A. 15,74%
- B. 15,30%
- C. 17,09%
- D. 16,78%

ANSWER: A

Câu 12:

Cổ phiếu A và B có beta lần lượt là 1,01 và 3,32. Lãi suất phi rủi ro là 7%, tỷ suất lợi nhuận kỳ vọng của danh mục thị trường là 12%. Hãy xác định lợi nhuận kỳ vọng của danh mục đầu tư gồm 40% cổ phiếu A và 60% cổ phiếu B.

- A. 18,98%
- B. 12,05%
- C. 23,60%
- D. 23,43%

ANSWER: A

Câu 13:

Khi doanh nghiệp quyết định đầu tư với **quy mô nhỏ và công nghệ đơn giản** thì trong tương lai (sau khi vận hành cho hoạt động đầu tư), doanh nghiệp sẽ gặp phải **điểm bất lợi** nào dưới đây?

- A. Không đáp ứng được sự gia tăng doanh số tiêu thụ trong tương lai nên làm hạn chế lợi nhuận của doanh nghiệp.
- B. Không thua lỗ vì vốn đầu tư nhỏ
- C. Không phải huy động vốn vì quy mô đầu tư nhỏ
- D. Không có sự gia tăng doanh số tiêu thụ như mong đợi thì doanh nghiệp sẽ thua lỗ lớn.

ANSWER: A

Câu 14:

Hai cổ phiếu ABS và SAB là 2 cổ phiếu có dao động giá cổ phiếu hoàn toàn ngược hướng với nhau. Khi kết hợp 2 cổ phiếu này vào một danh mục đầu tư với tỷ trọng vốn đầu tư bằng nhau thì:

- A. Lợi nhuận danh mục là bằng không.
- B. Làm cho rủi ro của danh mục đầu tư bằng với rủi ro của cổ phiếu nào cao hơn
- C. Làm cho rủi ro của danh mục đầu tư bằng với rủi ro của 1 trong 2 cổ phiếu
- D. Làm cho rủi ro của danh mục đầu tư tăng lên

ANSWER: A

Câu 15:

Năm nay: Tỷ lệ Tài sản ngắn hạn/Doanh thu thuần là 40%, Các khoản phải trả/Doanh thu thuần là 20%. Năm sau doanh thu thuần tăng thêm 6 tỷ đồng, tài sản dài hạn tăng thêm 1,5 tỷ đồng. Với giả định của phương pháp dự toán % theo doanh thu thì năm sau nhu cầu vốn tăng thêm là bao nhiêu?

- A. 3,9 tỷ đồng
- B. 2,7 tỷ đồng
- C. 2,4 tỷ đồng
- D. 1,2 tỷ đồng

ANSWER: A

Câu 16:

Phát biểu nào sau đây là đúng với giả định lãi suất phi rủi ro là 6%?

- A. Nếu một cổ phiếu có beta âm, lợi nhuận yêu cầu của nó theo CAPM sẽ dưới 6%.
- B. Nếu beta của một cổ phiếu tăng gấp đôi, lợi nhuận yêu cầu của nó theo CAPM cũng sẽ tăng gấp đôi.
- C. Nếu beta của một cổ phiếu là 1,0, lợi nhuận yêu cầu của nó theo CAPM sẽ là 6%.
- D. Nếu beta của một cổ phiếu là dương nhưng nhỏ hơn 1,0, lợi nhuận yêu cầu của nó theo CAPM sẽ dưới 5%

ANSWER: A

Câu 17:

Bạn Lê có kế hoạch mua xe sau 1 năm đi làm nên mỗi kỳ lương nhận được (theo tháng), bạn Lê đều gửi vào ngân hàng với số tiền 6 triệu đồng, lãi suất tiền gửi 6%/năm của loại tiền gửi tiết kiệm kỳ hạn 1 tháng. Kế hoạch này được thực hiện suốt 1 năm. Hỏi sau 1 năm, bạn Lê nhận được số tiền là bao nhiêu?

- A. 74,38 triệu đồng
- B. 107,29 triệu đồng
- C. 74,01 triệu đồng
- D. 97,63 triệu đồng

ANSWER: A

PHẦN TỰ LUẬN (3 câu hỏi + 0,5 điểm/câu hỏi)

Câu 18: (0,5 điểm)

Bạn được gia đình tạo điều kiện cho lập nghiệp riêng bằng cách chọn lựa 1 trong 2 cơ hội đầu tư sau để kinh doanh. Bạn chọn cơ hội nào và giải thích tại sao?

- (1) Vốn đầu tư 500 triệu đồng, mức sinh lời từ hoạt động này là 18%/năm. Với suất chiết khấu 15%/năm thì NPV = 140 triệu đồng.
- (2) Vốn đầu tư 300 triệu đồng, mức sinh lời từ hoạt động này là 20%/năm. Với suất chiết khấu 15%/năm thì NPV = 130 triệu đồng

Câu 19: (0,5 điểm)

Công ty đang nghiên cứu đầu tư cho dự án sản xuất nước khoáng đóng chai. Dự án này cần phải tìm nơi nguồn nước có khoáng chất. Chi phí điều tra thăm dò này dự kiến kéo dài trong khoảng 1 tháng với chi phí ước tính là 100 triệu đồng. Khi xác định được nguồn khoáng, dự án sẽ tính toán dòng tiền và thẩm định. Vậy khi thẩm định dự án đầu tư, chi phí thăm dò vùng nguyên liệu có đưa vào dòng tiền không? Tại sao?

Câu 20: (0,5 điểm)

Giám đốc điều hành (CEO) trong công ty cổ phần đại chúng sẽ ưu tiên quan tâm đến việc tối đa hóa giá trị doanh nghiệp hay tối đa hóa giá trị cổ phần hiện hữu? Vì sao?

ĐÁP ÁN PHẦN TỰ LUẬN VÀ THANG ĐIỂM

Phần câu hỏi	Nội dung đáp án	Thang điểm	Ghi chú
I. Trắc nghiệm		8,5	
Câu 1 – 16	Đáp án A	0,5	
II. Tự luận		1,5	
Câu 18	<p>Trả lời: Chọn đầu tư dự án 1</p> <p>Giải thích: Vì 2 dự án này là 2 dự án loại trừ (chỉ chọn 1 trong 2) nên sử dụng tiêu chí NPV để lựa chọn và chỉ chọn dự án nào có NPV dương và cao nhất.</p>	0,3 0,2	
Câu 19	<p>Trả lời: Không đưa chi phí thăm dò nguồn khoáng vào dòng tiền khi thẩm định dự án.</p> <p>Giải thích: Chi phí điều tra thăm dò phát sinh độc lập với quyết định đầu tư hay không đầu tư dự án và phát sinh trước khi dự án thực hiện.</p>	0,3 0,2	
Câu 20	<p>Trả lời: CEO ưu tiên quan tâm đến tối đa hóa giá trị cổ phần hiện hữu</p> <p>Giải thích: CEO là nhà quản lý, họ là người làm thuê nên họ phải quan tâm đến mục tiêu ngắn hạn. Tức phải tối đa hóa thu giá cổ phần ở kỳ hiện tại. Như thế họ mới có được cơ hội nhận thêm tiền thưởng, thêm cơ hội tiếp tục làm việc.</p>	0,3 0,2	
Điểm tổng		10,0	

TP. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 03 năm 2024

Người duyệt đề

Giảng viên ra đề




TS. Phạm Thị Hồng Vân

ThS. Nguyễn Thúy Quỳnh
TS. Phạm Thị Hồng Vân